

NGUYÊN NHÂN HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH TÔN GIÁO HÓA NHÂN VẬT QUAN VŨ THÀNH QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN TRONG VĂN HÓA NGƯỜI HOA

Trần Văn Trọng

Khoa Ngữ văn - Khoa học xã hội

Email: trongtv@dhhp.edu.vn

Phạm Hương Giang

Khoa Du lịch

Email: giangph@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 23/9/2019

Ngày PB đánh giá: 12/12/2019

Ngày duyệt đăng: 13/12/2019

TÓM TẮT: Trong lịch sử Trung Hoa có hai nhân vật lịch sử được đời sau ngưỡng vọng tôn sùng, đó là Khổng Tử và Quan Vũ. Khổng Tử là người sáng lập Nho giáo nên đời sau ngưỡng phục không có gì lạ. Chỉ có Quan Vũ – một dũng tướng đời Thục Hán vì sao lại trở thành dũng tướng uy danh thiên cổ được lập Võ miếu để thờ sáng ngang Văn miếu của Khổng Tử. Hơn thế, Quan Vũ còn gia nhập thần điện Đạo giáo, trở thành Quan Thánh Đế Quân trong tín ngưỡng văn hóa của người Hoa. Bài viết này khảo sát quá trình hình thành và tôn giáo hóa nhân vật Quan Vũ trong lịch sử cũng như xem xét, đánh giá các nhân tố xã hội (văn hóa, chính trị, tôn giáo...) và vai trò của văn học nghệ thuật đối với việc tôn giáo hóa nhân vật này.

Từ khóa: *Nhân vật lịch sử, nhân vật tôn giáo, tôn giáo hóa, Quan Vũ, Quan Thánh Đế Quân, Tam Quốc diễn nghĩa*

CAUSES OF FORMATION AND DEIFICATION OF GUAN YU CHARACTER TO BECOME GUAN SHENG DI QUN IN THE CHINESE CULTURE.

ABSTRACTS: In Chinese history, there are two historic characters who are respected by later generations, that is Kongzi and Guan Yu. Kongzi is the founder of Confucianism; therefore, the next generations' respect for him is unsurprising. However, there is a thorny question of why Guan Yu, who is a general of Shu Han's dynasty, could become a famous one to be worshiped in the Wumiao like Guanzhi. Moreover, Guan Yu also joined the Taoist temple and became Guan Sheng Di Qun in Chinese cultural beliefs. This article examines the process of formation and becoming a historic religious figure of Guan as well as finds out and assesses social factors (culture, politics, religion ...) and the role of literature and art in the o deification f this character.

Keyword: *Historic character, religious figure, deification, Guan Yu, Gu*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lịch sử Trung Hoa có hai nhân vật lịch sử được đời sau ngưỡng vọng tôn sùng, đó là Khổng Tử và Quan Vũ. Trường hợp Khổng Tử, việc tôn sùng và lập Văn

miếu phụng thờ ông cũng không có gì quá khó hiểu khi ông là thủy tổ Nho học Trung Hoa. Kể từ khi Nho học được tôn sùng, có được địa vị “độc tôn” từ thời Hán thì vị thế của ông được tôn lên thành “Chí Thánh

Tiên Sư”, “Vạn thế sư biểu”, trở thành “tổ vương” (ông vua không ngại vàng) như đánh giá của nhà phê bình thời Tấn là Lưu Hiệp. Duy chỉ có Quan Vũ, một dũng tướng thời Thục Hán - ảnh hưởng bất quá trong phạm vi thời kỳ Tam quốc phân tranh, làm sao lại trở thành tướng quân uy danh thiên cổ, ảnh hưởng cực kỳ sâu đậm đến lịch sử, được đời sau đưa vào Võ miếu để phụng thờ, địa vị ngang hàng Khổng Tử? Không những thế, Quan Vũ còn tiến thêm một bước – từ địa hạt nhân vật lịch sử tiến vào thần điện Đạo giáo trở thành Quan Thánh Đế Quân hình thành tín ngưỡng Quan Đế trong văn hóa người Hoa, ảnh hưởng không chỉ trong phạm vi Hoa lục mà còn ở cả hải ngoại, để lại dấu vết trong sinh hoạt tín ngưỡng, văn hóa ở tất cả những nơi người Hoa di cư đến. Điều đó cần phải được lý giải bằng những luận cứ về quá trình hình thành và tôn giáo hóa nhân vật Quan Vũ trong lịch sử cũng như xem xét, đánh giá các nhân tố xã hội (văn hóa, chính trị, tôn giáo...) và vai trò của văn học nghệ thuật đối với việc tôn giáo hóa nhân vật này.

II. NỘI DUNG

1. Nhân vật Quan Vũ – từ nhân vật lịch sử đến thần điện Đạo giáo

Khi đề cập đến nhân vật Quan Vũ, người ta thường hay nhắc đến hình ảnh viên dũng tướng “mình cao chín thước, râu dài tám tấc, mặt đỏ như táo chín, môi tựa thoa son, mắt phụng mày tằm, tướng mạo đường hoàng, uy phong凛冽” hay “đầu chít khăn xanh, mình khoác chiến bào xanh, tay cầm Thanh long đao yển nguyệt, cưỡi ngựa xích thố, ngày đi nghìn dặm” [12]. Nhưng hình tượng này không phải là hình tượng của lịch sử mà là hình

tượng được sáng tạo bởi tiểu thuyết *Tam Quốc diễn nghĩa* trên cơ sở tiếp thu truyền thuyết dân gian. Với tư cách là một nhân vật lịch sử, văn bản ghi chép về Quan Vũ sớm nhất là *Tam Quốc chí – Thục thư – Quan Vũ truyện* của Trần Thọ. Sử gia Trần Thọ trong *Tam Quốc chí* gần như không có chi tiết miêu tả về ngoại hình, tác giả chỉ chọn một số sự kiện, chi tiết trong cuộc đời Quan Vũ để chép, đặc biệt ca ngợi lòng trung nghĩa và can trường của ông. Về lòng trung nghĩa của Quan Vũ, Trần Thọ chép Vũ với Lưu Bị “ngủ chung giường, tình như huynh đệ, suốt ngày hầu hạ Tiên chủ, theo Tiên chủ xông pha chằng quản ngại khó khăn”. Năm Kiến An thứ 5, Tào Tháo đặc biệt đối đãi trọng hậu với Quan Vũ nhất là sau khi Vũ lập đại công chém hai tướng Nhan Lương, Văn Xú của Viên Thiệu, Tào Tháo dâng biểu lên Hán Đế phong tước Hán Thọ đình hầu cho Quan Vũ. Nhưng không vì thế mà Quan Vũ thay lòng đổi dạ với Lưu Bị. Sau khi lập công trả ơn Tào Tháo, Quan Vũ đã viết thư cáo từ để đi tìm Lưu Bị. Về lòng dũng cảm can trường của Quan Vũ có thể thấy qua những sự kiện như ra trận chém đầu Hoa Hùng trở về chén rượu tiễn đưa còn nóng, chém Nhan Lương, Văn Xú giải vây cho Tào Tháo ở Bạch Hà, qua năm ải chém sáu tướng. Thậm chí lúc về già vẫn lập những chiến công hiển hách như nước ngập Hạ Phì khiến Vu Cầm bại trận, bắt đại tướng quân Tào kiêu hùng là Bàng Đức càng khiến Quan Vũ uy chấn Hoa Hạ khiến Tào Tháo khiếp sợ. Tuy nhiên, Quan Vũ càng về sau càng kiêu ngạo tự phụ, từ chối lời kết hiếu thông gia với Tôn Quyền, si nhục sứ giả Đông Ngô. Đó là nguyên

nhân trực tiếp dẫn đến kết cục thảm bại, mất Kinh Châu và bỏ mạng của Quan Vũ. Đánh giá về Quan Vũ, sử gia Trần Thọ cho rằng Quan Vũ tuy là dũng tướng “địch muôn người” có phong thái của bậc quốc sĩ nhưng tính tình cương cường, kiêu ngạo, suy nghĩ nông cạn nên thất bại [9].

Nhận xét và đánh giá của Trần Thọ có thể xem là đại diện cho nhận thức của người đời Tấn về Quan Vũ. Với tư cách là một nhân vật lịch sử, lúc này Quan Vũ chưa hề được thần thánh hóa. Bùi Tùng Chi trong *Tam Quốc chí chú* đã bổ sung thêm một vài chi tiết làm cho nhân vật thêm phong phú so với ghi chép của Trần Thọ chứ cũng chưa có những lời tô vẽ, thần thánh hóa Quan Vũ. Từ đời Tấn đến thời Lương, truyền thuyết dân gian về các nhân vật thời Tam Quốc đã nhiều lên như Bùi Khải viết *Ngũ lâm*, Can Bảo viết *Sưu thần ký*, Lưu Kính Thúc viết *Dị uyển*, Lưu Nghĩa Khánh viết *Thế thuyết tân ngữ*, Lương Ân Vân viết *Tiểu thuyết*....đều có viết về các nhân vật, truyền thuyết thời Tam Quốc nhưng đều không đề cập đến Quan Vũ. Giai đoạn lịch sử này, mặc dù lòng trung dũng của Quan Vũ được thừa nhận, song nó chỉ biểu hiện ý nghĩa sức mạnh “địch muôn người” chứ Quan Vũ chưa hề được thần thánh, sùng bái hóa về mặt nhân cách.

Từ đời Lương về sau, truyền thuyết về Quan Vũ mang màu sắc thần bí lan truyền từ Kinh Châu đến các địa phương khác trong cả nước. Cuối đời Lương, Trần xuất hiện một số truyền thuyết Quan Vũ hiển linh. Những năm Quang Đại triều Trần Phế Đế (567-568) thiền sư Trí Khải muốn xây dựng một ngôi chùa trên núi Ngọc Tuyền

ở Dương Dương (nay là thành phố Dương Dương, tỉnh Hồ Bắc) song gặp nhiều khó khăn khó thực hiện. Trí Khải ngồi thiền định dưới gốc cây bỗng thấy một vị thần mặc khôi giáp vàng hiện lên xưng là Hán Thọ đình hầu, nguyện đem đất này ban cho, chỉ cần thỉnh an thiền trong bảy ngày sẽ thấy hiệu nghiệm.... liền ngay chiều tối, khắp hang sâu núi thẳm sấm động vang rền, gió gào mưa thét, hóa thành đầm nước sâu. Từ câu chuyện trên, có thể thấy từ đời Trần, Quan Vũ bắt đầu được dân Kinh Châu thần thánh hóa, nếu không thế thì thiền sư Trí Khải cũng không thể ẩn tượng trước sự thần kỳ, linh dị của Quan Vũ. Tuy nhiên, phải đến năm Khai Hoàng thứ 12 đời Tùy (592), thiền sư Trí Khải mới xây xong chùa Ngọc Tuyền với tên gọi “Trí giả đạo tràng”. Phía tây bắc chùa có dựng một ngôi miếu thờ Quan Vũ. Hai năm tiếp theo (593-594), thiền sư Trí Khải giảng *Pháp Hoa kinh truyền nghĩa* và *Ma ha chỉ quan* tại chùa Ngọc Tuyền, trong khi tăng chúng cử hành nghi thức trang trọng thì Quan Vũ hiển linh thọ giới Bồ tát. Như vậy, Quan Vũ trở thành đệ tử Phật môn. Kể từ khi thiền sư Trí Khải sáng lập Thiên Thai tông, ảnh hưởng của Quan Vũ ngày càng trở nên quan trọng.

Thời Đường là giai đoạn quan trọng đối với quá trình thần thánh hóa Quan Vũ. Trước thời Trung Đường, sự sùng bái Quan Vũ mới chỉ ảnh hưởng trong giới hạn Kinh Châu. Có thể thấy rõ điều này qua bài thơ *Tráng Mâu hầu miếu biệt hữu nhân* (Từ biệt bạn tại miếu Quan Vũ) của Lang Sĩ Nguyên làm khi nhậm chức Đinh Châu Lạt Sử có viết về Quan Vũ như sau:

Tướng quân bình thiên tư
Nghĩa dũng quán kim tích.
Tầu mã bách chiến trường,
Nhất kiếm vạn nhân địch.
Thùy vi cảm ân già,
Ý thị tư quy khách.

Tạm dịch:

*Tướng quân vốn thiên bẩm,
Nghĩa dũng khắp cổ kim.
Cuỡi ngựa khắp chiến trường,
Một kiếm địch muôn người.
Cảm vì ân tình cũ,
Đã theo về chủ xưa.*

Lưu lạc Kinh vu gian,
Bồi hồi cố hương cách.
Ly diên đối tử vũ,
Sả sả mộ thiên bích.
Khứ khứ vô phục ngôn,
Hàm bi hướng đông tích.

*Lưu lạc chốn Kinh Tương,
Bồi hồi nhớ quê hương.
Trước miếu sắp đi xa,
Trời chiều mây xanh ngất.
Chẳng thể cất thành lời,
Lòng đau hướng đông biệt.*

Trong bài thơ có câu “*lưu lạc Kinh vu gian/ bồi hồi cố hương cách*” cho thấy miếu Quan Vũ được thờ cúng khá phổ biến trong khu vực Kinh Sở dù vẫn chưa hình thành quy mô toàn quốc. Tác giả kính phục nghĩa dũng Quan Vũ đồng thời cũng thổ lộ nỗi lòng cảm khái lưu lạc tha hương của mình. Giữa những năm Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông, Đồng Đình trong bài ký soạn cho lần trùng tu miếu Quan Vũ có viết về Quan Vũ hiển linh giúp dân trừ bạo: “Ôi thương thay! Sống làm người anh hùng hiển minh, chết làm ma thần minh, anh linh thác dưới núi này, giúp dân giúp nước, quanh năm hương khói không dứt” (*Trùng tu Ngọc tuyền Quan miếu ký*). Dựa vào những ghi chép về sự hiển linh của Quan Vũ từ cuối đời Lương đến trước Trung Đường cũng thật khó để nói sự sùng bái của nhân dân đối với Quan Vũ đã đạt đến độ sâu sắc, song người ta cũng tin rằng Quan Vũ tuy chết nhưng hồn ông vẫn mong muốn “trung hưng đất nước”. Chính quyền địa phương đã lợi dụng sự sùng bái này để thực hiện chính sách “văn trị giáo hóa” điều đó đã chứng minh đây là

lần đầu tiên tầng lớp thống trị đã quan tâm đến hiện tượng văn hóa tâm linh Quan Vũ.

Từ Trung Đường về sau, việc sùng bái Quan Vũ đã có quy mô trên phạm vi cả nước. Sơ tổ Bắc Thiền tông là thiền sư Thần Tú khi xây dựng chùa Đại Thông Thần tự tại đỉnh phía nam của núi Ngọc Tuyền ở Dương Dương đã lấy Quan Vũ làm thần hộ pháp của chùa. Thần Tú truyền pháp được hơn 20 năm, rất có uy tín trong giới chính trị nên ông được Võ Tắc Thiên triệu về Trường An, lập nội đạo tràng cúng dường chư Phật. Do Thần Tú coi trọng Quan Vũ nên Quan Vũ có sức hấp dẫn, ảnh hưởng ngày một lớn hơn. Đến cuối đời Đường và Ngũ đại, Quan Vũ có sức ảnh hưởng to lớn đối với đời sống xã hội, sự sùng bái Quan Vũ đã từ tín ngưỡng tôn giáo thành đức tin phục tùng. Lúc này, giữa thần linh Quan Vũ với nhân dân ngày càng có một khoảng cách tâm linh. Khoảng cách đó là kết quả của quá trình tôn giáo hóa, thần thánh hóa Quan Vũ, biến Quan Vũ từ chỗ là nhân vật lịch sử trở thành nhân vật thần thánh trong điện thờ của tôn giáo được dân tộc Hán tôn kính và sùng bái.

Cuối đời Đường và Ngũ đại, Quan Vũ đã trở thành vị thần có ảnh hưởng rộng lớn, nhưng vẫn chỉ ảnh hưởng giới hạn trong tín ngưỡng dân gian, địa vị xã hội của Quan Vũ vẫn chưa cao. Chỉ bắt đầu từ đời Tống về sau, khi giai cấp phong kiến chính thức phong thần thì địa vị Quan Vũ mới nhanh chóng được nâng cao trong đời sống tinh thần xã hội. Tống Huy Tông là người sùng bái Đạo giáo, năm Sùng Ninh thứ 2 (1103) đạo sĩ Trương Kế Nguyên ở Long Hồ Sơn thuộc Tín Châu tấu thỉnh rằng Quan Vũ xé xác giao long ở Giải Châu khiến Hoàng đế sợ hãi phải làm lễ tế, dùng tiền Sùng Ninh ném xuống sông, phong Quan Vũ làm Sùng Ninh Chân Quân [14]. Như vậy, Quan Vũ được Tống Huy Tông phong thần và đã trở thành vị thần của Đạo giáo, có địa vị tối cao trong con mắt của tầng lớp thống trị. Năm Đại Quan thứ 2 (1108) Tống Huy Tông chính thức phong Quan Vũ làm *Vũ An Vương*, lập đàn tế. Đây là lần đầu tiên sau khi Quan Vũ mất được giai cấp thống trị phong Vương. Từ đây trở về sau, các triều đại phong kiến không ngừng gia phong tấn tước, địa vị của Quan Vũ ngày càng được đề cao. Ngô Ngưỡng Hiền, người đời Thanh trong *Tiểu bào am thi thoại* dẫn thơ Trương Hiền đời Nguyên viết: “*Trương hầu sinh đất Bắc/Quan Đế xuất Hà Đông*” cho thấy ở đời Nguyên, có thể Quan Vũ đã được gia phong thêm một bậc, từ Vương lên Đế, dù rằng các sắc phong ngày nay không còn. Đời Minh, năm Vạn Lịch 18 (1590), triều đình chính thức phong Quan Vũ làm *Hiệp Thiên Hộ Quốc Trung Nghĩa Đế*. Năm Vạn Lịch 42 (1614) lại gia phong làm *Tam Giới Phục Ma Đại Đế Thần Uy Viễn Trấn Thiên Tôn Quan Thánh Đế Quân*. Quan Vũ nghiêm nhiên trở thành Đế vương trần gian và thiên thần thượng giới. Do triều đình sùng bái

Quan Vũ mà sự sùng bái Quan Vũ trong dân gian ngày càng cao, trở thành trào lưu mạnh mẽ. Miếu thờ Quan Vũ được tạo dựng khắp nơi, già trẻ gái trai đều sùng tín Quan Vũ, quanh năm hương khói không dứt. Nhà văn Từ Vị đời Minh trong *Thực Hán Quan hầu từ ký* từng viết: “Thần uy của tướng quân Thực Hán đời trước cùng cái đạo của Khổng Tử đều được thiên hạ tôn sùng. Nhưng miếu Khổng Tử chỉ giới hạn trong quận mà đền Quan Vũ có khắp cửu châu, trên từ thành thị, dưới đến nông thôn nhiều không đếm xuể...”[13]. Nhà tư tưởng Lý Chí nổi tiếng đời Minh trong bài Cáo cũng từng nhận xét “Từ xưa cho đến nay, dù là già trẻ gái trai, dù biết hay không biết, đều bái lạy trước tượng, vì sự uy linh của Ngài nhưng cũng biết Ngài là bậc chính trực lắm liệt trong vũ trụ” [4]. Tôn Thừa Tông trong bài ký *Trùng tu Hán Tiên tướng quân Quan Tráng miếu công từ ký* viết: “Ngày nay những dân bé mọn không theo học họ Khổng, những kẻ thức giả người trên thì không theo Phật, nhưng tất cả bọn họ đều kính phục Ngài. Những kẻ học Nho hay những kẻ theo Phật một cách tự nhiên thì thiên hạ đều theo sở nguyện của mình mà tận hưởng. Từ khi có dân đến nay, cuối cùng hưng thịnh cũng chỉ có Ngài vậy” [2].

Nhưng kẻ thống trị Mãn Thanh sau khi vào quan ải, chế độ chính trị Nhà Minh ngày càng lụn bại song truyền thống sùng bái Quan Vũ của giai cấp thống trị nhà Minh được nhà Thanh kế thừa và phát triển. Bắt đầu từ Thanh Thế Tổ đã phong Quan Vũ làm *Trung Nghĩa Thần Vũ Đại Đế*. Các đời Hoàng đế tiếp theo đều gia phong tấn tước cho Quan Vũ như lấy sự tận trung của ông mà phong làm *Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Nhân Dũng Uy Hiển Hộ Quốc Bảo*

Dân Tình Thành Tuy Tịnh Dục Tán Nghi Đức Quan Thánh Đại Đế. Trong dân gian, hiện tượng sùng bái Quan Vũ so với đời Minh ngày càng phát triển mãnh liệt hơn. Hoạt động thờ cúng Quan Vũ diễn ra ở bất cứ nơi đâu, không phân biệt già trẻ gái trai, bất kể mùa nào cũng tiến hành tế tự. Điều đó phản ánh qua câu thơ của Kiều Đình Quế trong bài thơ *Tu chí hữu cảm*: “Trung Nguyên hữu địa giai tu tự/ Cổ thổ vô nhân bất tiến hương” (*Trung Nguyên chỗ nào cũng đều là nơi tu hành/Nơi đất cũ không người nào là không hương khói*). Thậm chí Lý Đông Dương đời Minh mượn hình ảnh Khổng Tử được tôn sùng ở quê hương ông mà ca ngợi Quan Vũ “Nhất phương yên hòa vô am quán/Tam đại huyền ca hữu tử tôn”. Đời Thanh chứng kiến nhiều địa phương tạo tác miếu thờ Quan Vũ. Trong Võ miếu có đôi câu đối rất hay: *Nho xứng Thánh, Thích xứng Phật, Đạo xứng Thiên Tôn, tam giáo tận quy y, thức chiêm miếu mạo trường tân, vô nhân bất túc nhiên khởi kính/Hán phong Hầu, Tống phong Vương, Minh phong Đại Đế, lịch triều gia tôn hào, thâm thị thần công trác tước, chân sở vị đẳng hồ nan danh*;

Như vậy, nhân vật Quan Vũ từ bình diện nhân vật lịch sử đã tiến đến gia nhập, trở thành nhân vật tôn giáo. Trong quá trình diễn hóa hình tượng, những mã văn hóa khác nhau đã được ký thác vào hình tượng Quan Vũ như các quy tắc đạo đức, truyền thống tinh thần nhân văn như trung, nghĩa, dũng. Trong những quy phạm đạo đức này, một số là thuộc về phẩm chất vốn có của Quan Vũ lịch sử, một số phẩm chất là của người đời sau thêm vào theo hướng thần thánh hóa. Chúng đã đem đến cho hình tượng Quan Vũ một sứ mệnh văn hóa mới được mở rộng.

2. Các nhân tố thúc đẩy quá trình tôn giáo hóa nhân vật Quan Vũ

Quá trình gia nhập thần điện Đạo giáo của Quan Vũ không thể tách rời các nhân tố văn hóa, chính trị, kinh tế cũng như bối cảnh cụ thể của các giai đoạn lịch sử. Nói cách khác, việc lý giải vì sao Quan Vũ lại trở thành nhân vật tôn giáo được người Hoa tôn sùng ngưỡng vọng không thể được lý giải nếu tách rời bối cảnh lịch sử và các nhân tố văn hóa xã hội tham gia tác động và thúc đẩy.

Bắt đầu từ đời Lương, Trần việc Quan Vũ được người đời chú ý do có liên quan mật thiết đến sự phát triển của tư tưởng chính trị xã hội Trung Quốc. Từ Ngụy Tấn đến Tùy Đường, nền chính trị Trung Quốc phát triển từ hình thức chính trị môn phiệt đến chính trị thế tục. Ngụy Văn Đế Tào Phi đã bắt đầu thực hiện chế độ “cửu phẩm trung chính” nhằm bảo vệ chính quyền quốc gia trước sự lũng đoạn của chế độ chính trị môn phiệt. Các triều đại sau như Tây Tấn, Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, cục diện chính trị đều do các thế lực môn phiệt sĩ tộc thao túng, nền chính trị chẳng hề có sự đổi mới nào. Theo chế độ “cửu phẩm trung chính” thì con cháu bình dân dù học hành tài năng cũng không thể được bình chọn vào hàng thượng phẩm, còn “con em hào kiệt môn đệ dù không học hành, bất tài, vô dụng cũng được đưa lên hàng thượng phẩm” [5]. Con đường hoạn lộ dành cho thứ nhân gần như “tuyệt lộ” như câu truyền ngôn “cao môn hoa trụ hữu thể cập chi vinh; thứ tính hàn nhân vô tài tiến chi lộ” (*dòng dõi cao sang muôn đời vinh hiển, làm gì có con đường tiến thân dành cho bách tính*). Địa vị xã hội của tầng lớp nắm quyền không phải do tài năng, đạo đức quyết định mà thường do xuất thân môn đệ gia tộc, gia thế hiển hách chiếm ưu

thể trong giai đoạn lịch sử này. Thời Ngụy Tấn, tuy Hà Yến, Hạ Hầu Huyền, Nguyễn Tịch, Kê Khang... có đề cao khí tiết phong lưu của danh sĩ thông qua thái độ sinh hoạt không giống ai của bọn họ song văn hóa chính trị môn phiệt vẫn đại diện cho tinh thần xã hội thời đại. Đương thời vì xã hội quan tâm và tiếp nhận sùng bái nhân vật xung quanh một vài danh sĩ phong lưu vốn đều là con em giới sĩ tộc nên xuất thân hàn vi của Quan Vũ tự nhiên không hợp với quy phạm xã hội, đã gây được hiệu ứng chú ý của mọi người.

Cuối thời Nam triều, chế độ chính trị môn phiệt bắt đầu có sự thay đổi. Thời kỳ Tề, Lương giai cấp trung lưu đã tham gia chính quyền cho thấy dấu hiệu về sự mất dần quyền lực của các thế lực chính trị môn phiệt. Từ cuối thời Lương, sự không chế của giới sĩ tộc đối với nền chính trị quốc gia dần giảm đi. Đến giai đoạn nhà Trần, thế lực sĩ tộc liên tục lụn bại, đánh mất quyền lực, còn thứ tộc hàn môn đã phát huy được vai trò quan trọng đối với sinh hoạt chính trị quốc gia. Nhà sử học Trần Dần Khắc đã chỉ ra “Lịch sử Nam triều có thể chia thành ba giai đoạn: thứ nhất là Đông Tấn, thứ hai là Tống, Tề, Lương và thứ ba là triều Trần. Đông Tấn lấy sĩ tộc phương bắc và sĩ tộc Giang Đông cùng nhau hợp lực kiến thiết; Tống, Tề, Lương do cộng đồng sĩ tộc cả miền Nam và miền Bắc cùng tầng lớp trung lưu duy trì; Triều Trần do giai cấp tầng lớp hạ đẳng phương Bắc cùng kẻ sĩ phương Nam nắm giữ chính quyền triều đại” [7]. Chế độ chính trị môn phiệt dần bị thay thế bởi chế độ chính trị thế tục là một xu thế lớn của lịch sử và là một tiến bộ xã hội. Bắt đầu từ Tùy Văn Đế đã cho tiến hành khoa cử để chọn kẻ sĩ làm quan và đến đời Đường thì

hình thành chế độ khoa cử. Như vậy, chế độ chính trị thế tục dùng người tài được xây dựng là từ quan điểm của tầng lớp bên trên. Chính trị thế tục không coi trọng xuất thân môn hộ mà coi trọng công danh, tài năng cá nhân trở thành tiêu chuẩn quan trọng trong đánh giá con người. Dưới bối cảnh chính trị như vậy, một con người như Quan Vũ đã từng khiến Tào Tháo sợ hãi đồng thời lại được Khổng Minh hết lời ca ngợi tài năng nghĩa dũng giúp Lưu Bị xây dựng Đế nghiệp tự nhiên khiến người đương thời hết sức kính trọng. Sự chuyển đổi xu thế chính trị trên bắt nguồn từ kinh tế. Thời kỳ Ngụy Tấn Nam Bắc triều, giai cấp quý tộc địa chủ chiếm địa vị chủ đạo về kinh tế, nhưng từ cuối Nam triều kinh tế của tầng lớp địa chủ trung lưu đã phát triển khá nhanh. Thời kỳ tiếp nối giữa Tùy và Đường, kinh tế của tầng lớp địa chủ trung lưu đã bắt đầu chiếm địa vị kinh tế chủ đạo của xã hội. Giữa thời Đường, chế độ quân điền bị phá hoại nghiêm trọng, chế độ tư hữu đất đai của tầng lớp địa chủ trung lưu đã thay thế hoàn toàn chế độ tư hữu ruộng đất của địa chủ quý tộc, chế độ chính trị thế tục cuối cùng cũng thay thế chế độ chính trị môn phiệt được xây dựng trên cơ sở tư hữu ruộng đất của tầng lớp địa chủ trung lưu. Thời Tống thực hiện chế độ kinh tế khế ước, thu tô thuế ruộng nhằm cải cách phương thức trói buộc thân phận nông dân vào thân phận của địa chủ trước đây, chuyển thành lấy tước đoạt kinh tế làm chủ yếu, cưỡng chế lao động chỉ là phụ. Đây chưa phải là sự phát triển thêm một bước cơ sở xã hội của chế độ chính trị thế tục mà là thông qua kích thích sự nỗ lực bản thân, không dựa vào môn hộ xuất thân để thúc đẩy tinh thần phấn đấu chính trị nhiệt tình của cá nhân.

Sự thay đổi trong phát triển kinh tế xã hội tất nhiên gắn liền với sự phát triển của chính trị xã hội. Mối quan hệ giữa kinh tế địa chủ sĩ tộc gắn liền với chế độ “cửu phẩm trung chính” và kinh tế địa chủ trung lưu gắn liền với chế độ khoa cử đã cho thấy rõ điều này. Sự phát triển thay đổi của kinh tế và chế độ chính trị tất nhiên đem lại sự thay đổi hình thái ý thức xã hội. Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều thì quan niệm môn hộ và sùng bái danh sĩ, còn Tùy Đường là truy cầu công danh, tài năng. Sự thăng trầm của Quan Vũ là một minh chứng rất thuyết phục. Dĩ nhiên, Quan Vũ được xã hội xem trọng không nhất thiết phải được thần thánh hóa. Sự thần thánh hóa Quan Vũ tự nó diễn biến trong môi trường văn hóa thổ nhưỡng thích hợp.

Quan Vũ được thần thánh hóa đầu tiên là ở Kinh Châu và điều này cũng chẳng có gì lạ bởi một mặt phong tục tập quán của dân Kinh Châu bao đời vốn coi trọng các dân tử và tín ngưỡng vu thuật quỷ thần; mặt khác dân Kinh Châu vốn có tình cảm đặc biệt với Quan Vũ. Trong những năm tháng trấn thủ Kinh Châu, Quan Vũ thường “đối đãi tốt với quân lính mà tỏ ra kiêu ngạo với sĩ đại phu” [9], trị quân yêu dân, bảo vệ, đem lại sự bình yên khiến dân kính trọng khâm phục tận đáy lòng. Cái chết oanh liệt của Quan Vũ càng làm cho dân Kinh Châu đau đớn tận tâm can, trong lòng luôn tưởng nhớ sự anh dũng, trung nghĩa của Quan Vũ, từ đó xuất hiện ảo tưởng rằng anh linh trung liệt của ông chưa tiêu tán, vẫn hiện hiện để bảo vệ sinh linh một vùng. Từ đây, nhiều truyền thuyết nảy sinh, nhiều đền miếu được xây dựng tự phát. Tuy nhiên, trong thời đại chính trị môn phiệt, loại phong tục tín ngưỡng thờ phụng Quan Vũ chỉ diễn ra trong địa giới

vùng Kinh Châu chưa nhận được sự quan tâm chú ý của tầng lớp chính quyền phong kiến, vì vậy ảnh hưởng của tín ngưỡng sùng bái Quan Vũ còn hạn chế. Nhưng đến thời đại chính trị thế tục, loại tín ngưỡng sùng bái này kết hợp với khát vọng, tình cảm lý tưởng của con người đương thời về công danh sự nghiệp lấy lòng như Quan Vũ đã có sự cộng hưởng lan tỏa, truyền thuyết về Quan Vũ vì thế phát triển nhanh chóng lan ra các địa phương khác.

Một nhân tố đặc biệt thúc đẩy nhanh việc thần thánh hóa Quan Vũ là Phật giáo. Phật giáo truyền vào Trung Quốc từ thời Đông Hán dưới triều Hán Minh Đế, đầu tiên lưu hành ở tầng lớp trí thức tôn giáo sau mới phổ biến toàn xã hội. Từ cuối đời Hán đến Ngụy Tấn, Phật giáo tích cực phiên dịch, giới thiệu kinh sách đồng thời tập trung vào mục tiêu bản địa hóa Phật giáo. Tuy thời kỳ này xuất hiện nhiều thiền sư giảng giải, chỉnh lý giáo nghĩa, giáo quy kinh Phật song đều thất bại trong việc xây dựng các tông phái Phật giáo bản địa. Khoảng giữa triều Trần và Tùy, Thiên Thai tông - một tông phái Phật giáo bản địa đầu tiên của Trung Quốc ra đời. Người sáng lập Thiên Thai tông là thiền sư Trí Khải, người ở Hoa Dung, Kinh Châu rất có uy tín trong giới Phật học lúc bấy giờ. Trí Khải với sự mặn cảm của một đệ tử Phật môn đã nhận thức đầy đủ ý nghĩa của truyền thuyết Quan Vũ hiển linh đối với việc bản địa hóa Phật giáo nên đã đưa tinh thần chính trị xã hội thời đại Quan Vũ vào Phật giáo, biến Quan Vũ thành đệ tử nhà Phật. Điều đó đã làm cho Thiên Thai tông trở thành tông phái Phật giáo đặc sắc Trung Quốc, không chỉ duy trì bản sắc tôn giáo đạo Phật mà còn góp phần quan trọng vào quá trình Trung Quốc hóa Phật

giáo. Thiền sư Trí Khải là nhân vật then chốt trong quá trình thần thánh hóa - tôn giáo hóa Quan Vũ. Sau Thiền Thái tông, Phật giáo Thiền tông cũng góp phần thúc đẩy nhanh chóng, phổ cập hóa khuynh hướng thần thánh hóa Quan Vũ mà nhân vật có vai trò trung tâm của xu hướng này là thiền sư Thần Tú. Thiền sư Thần Tú – sơ tổ của Bắc Thiền tông từng theo Ngũ tổ Thiền tông là Hoằng Nhẫn tham thiền, sau đó đến chùa Đại Thông Thần tự ở Đương Dương, Kinh Châu truyền pháp hơn 20 năm nên một mặt bản thân ông đã tiếp nhận tình cảm sùng bái và tôn kính của dân Kinh Châu đối với Quan Vũ, mặt khác từ trong văn hóa sùng bái Quan Vũ của người dân Kinh Châu nhận ra cách thức phổ biến, quảng bá Phật giáo. Thần Tú đã khéo léo truyền bá giáo nghĩa nhà Phật thông qua việc thúc đẩy, phổ biến hoạt động sùng bái Quan Vũ, đó thực sự là một sự “lựa chọn” nhạy cảm và khôn ngoan của Thần Tú. Thiền tông từ giai đoạn Trung Đường về sau không chỉ phổ biến trong đời sống dân chúng lao động mà còn là thiền phái đại chúng hóa, có sức hấp dẫn với đại đa số nhân dân lao động vì đã khuếch trương và sùng bái, tôn kính Quan Vũ. Quan Vũ được người phương Bắc sùng kính bắt đầu từ vai trò của Thần Tú khi mở rộng ảnh hưởng của Bắc Thiền tông lên phương Bắc. Như vậy, Quan Vũ nhờ thế lực Phật giáo đã được nhân dân nhiều đời sùng kính, ngưỡng mộ, ngược lại Phật giáo nhờ lợi dụng Quan Vũ mà hoàn thành quá trình đại chúng hóa, bản địa hóa tôn giáo của mình.

Nếu như thời Tùy Đường, Quan Vũ dựa vào thế lực Phật giáo để mở rộng ảnh hưởng của mình trong sinh hoạt tinh thần xã hội thì từ đời Tống trở đi, sự sùng

bái Quan Vũ lại bắt đầu xuất phát từ hoạt động gia phong tước vị của giai cấp thống trị phong kiến với mục đích nhằm củng cố vững chắc quyền lực nên ảnh hưởng của Quan Vũ trong đời sống tinh thần xã hội càng trở nên sâu sắc. Như đã biết, do đời Tống cương giới lãnh thổ nhiều lần bị các tộc thiểu số phương Bắc uy hiếp, xâm phạm, quân Tống thì yếu hèn nhu nhược, mỗi lần thất bại lại một lần cắt đất cầu hòa, bị khinh bỉ và lăng nhục, đất đai miền Bắc bị rơi vào tay quân Kim trong khi Nhà Tống lại chẳng có khả năng hiệu triệu động viên dân chúng giết giặc. Trước nguy cơ mất nước, mất quyền lực và địa vị, giai cấp thống trị phong kiến nhà Tống đã cầu viện đến Quan Vũ để hiệu triệu bách tính. Việc Quan Vũ hiển linh bảo vệ, phù hộ bách tính đã được nhiều truyền thuyết nhắc đến, song chính quyền thống trị Nhà Tống không khuyến khích tuyên truyền điểm này mà nhấn mạnh vào tấm gương “can trung nghĩa đảm” của ông để động viên tướng sĩ, binh lính, nhân dân ra sức bảo vệ nền móng triều đình. Việc Tống Huy Tông phong Quan Vũ làm *Nghĩa Dũng Vũ An Vương* là một minh chứng cho quan điểm “giai cấp thống trị cần các vị thần của riêng mình để bảo vệ sự cai trị của chúng, còn những người bị trị cũng cần một số vị thần cứu vớt cuộc sống thống khổ để thỏa mãn niềm tin, hạnh phúc trong ảo tưởng của họ” [1]. Trịnh Thành đời Bắc Tống trong *Nguyên Hựu trù tu miếu ký* viết: “Khí số nhà Hán đã hết, Tào Tháo gian hùng hiếp đáp Thiên tử để hùng cứ Trung Nguyên như hổ đói rình mồi, nhòm ngó đất đai xung quanh nên Viên Thiệu không đủ sức chống cự. Chỉ có Tiên chủ với sức lực nhỏ nhoi của mình vẫn chống cự lại, nhiều lần thất bại. Kẻ sĩ đời nay ôm ấp lý tưởng cũng đã rời

bỏ, chọn chủ mới mà thờ. Những kẻ chỉ biết an phận thủ thường thì làm sao biết rõ khí tiết trung nghĩa lớn lao của những người chống lại cường quyền giúp kẻ thế cô?” [8]. Vấn đề giai cấp thống trị nhà Tống sùng bái Quan Vũ thực ra có điểm tương đồng giữa cục diện chính trị triều Nam Tống và Kim, Nguyên với cục diện Tam Quốc, giữa tính chính thống của chính quyền Nam Tống và chính quyền Thục Hán. Trong suy nghĩ của văn nhân thời Tống, Nam Tống là chính quyền của người Hán cũng như chính quyền Thục Hán đều có địa vị chính thống. Việc sùng bái Quan Vũ vì vậy là một dụng tâm của triều đình. Đó là lợi dụng lòng trung quân của Quan Vũ với Lưu Bị. Trong tư tưởng trung quân này có phần phản ánh khát vọng hòa bình, khí thế phấn chấn của quần chúng bách tính về cuộc sống hòa bình, tắt lửa chiến tranh, quốc gia thu về một mối. Các tác gia từ Tống đến Kim, Nguyên đều tán tụng trung nghĩa của Quan Vũ, hy vọng khôi phục Trung Nguyên, trung hưng lý tưởng khôi phục chính quyền về tay người Hán như lời tán tụng của Tiêu Giảo trong *Thuần Hy gia phong Tề vương bi ký*, Điền Đức Tú trong *Gia Thái trùng tu miếu ký*, Hạo Kinh trong *Trùng tu miếu ký*. Như vậy, sớm nhất vào đầu thời Nam Tống, địa vị chính thống của tập đoàn Thục Hán đã được thừa nhận bởi các nho sĩ thời Tống, Nguyên. Việc Chu Hy giảng về tính chính thống của triều Thục Hán trong *Thông giám cương mục* càng làm cho tư tưởng tôn Lưu úc Tào đã trở thành tư tưởng chủ đạo trong các câu chuyện về Tam Quốc của đời sau.

Như vậy, hình tượng tôn giáo Quan Vũ ở giai đoạn ban đầu hình thành trong văn hóa của giai tầng lớp dưới sau đó mới dần

dần thâm nhập vào văn hóa chính thống và trở thành thần linh trong điện thờ chính thống của quốc gia. Từ hiện tượng tôn giáo hóa nhân vật Quan Vũ, có thể thấy “sự phóng chiếu của cấu trúc xã hội từ cấu trúc của thế giới tâm linh” mà từ đó “chúng ta có thể tìm thấy bản chất thần tính trong bản chất nhân tính của xã hội”[1].

3. Tác động và ảnh hưởng của tiểu thuyết *Tam Quốc diễn nghĩa* đối với tiến trình tôn giáo hóa nhân vật Quan Vũ

Sự sùng bái Quan Vũ bên cạnh các nhân tố văn hóa chính trị, chế độ kinh tế, tôn giáo và cả những bối cảnh lịch sử cụ thể đòi Tống Nguyên, còn có liên quan mật thiết từ sự phổ biến rộng rãi của tiểu thuyết *Tam Quốc diễn nghĩa* từ giai đoạn triều Minh và Thanh trở đi. Hình tượng Quan Vũ trong tiểu thuyết *Tam Quốc diễn nghĩa* có ý nghĩa rất lớn đối với quá trình “diễn hóa” hình tượng, ảnh hưởng sâu sắc đến sự tiếp nhận và truyền bá hình tượng Quan Vũ và tín ngưỡng Quan Đế.

Tiểu thuyết *Tam Quốc diễn nghĩa* lấy tư tưởng “đào viên kết nghĩa” để mở đầu tác phẩm đã cho thấy định hướng sáng tác của nhà văn. Tác giả ca ngợi chữ “Nghĩa” chủ yếu là thông qua sáng tạo thành công hình tượng Quan Vũ, một hình tượng điển hình mà nhà bình luận Mao Tôn Cương đời Thanh xưng tụng là “tuyệt nghĩa”. Từ hình tượng nhân vật Quan Vũ, “nghĩa” được thể hiện ở toàn bộ tính phong phú, tính sinh động và ảnh hưởng nhân cách của các danh tướng cổ đại đối với đạo đức truyền thống để thông qua đó khơi gợi sự quan tâm của toàn xã hội. Mao Tôn Cương bình luận về Quan Vũ: “Lịch sử còn chờ tra cứu thư tịch, danh tướng thì nhiều vô số nhưng anh hùng siêu quần tuyệt luân

thì chỉ có Văn Trường; xem sử dưới ánh đèn thực là nho nhã; mặt đỏ cũng như lòng son, anh linh thực tôn quý. Thấp nên đứng hầu tỏ rõ khí tiết lớn lao; đơn đao dự hội khiến người đời khâm phục thần uy tướng quân. Ngày đi nghìn dặm để báo đáp ân xưa; nghĩa báo Hoa Dung, ân thù trả hết. Hành sự quang minh chính đại, đối đãi với người phóng khoáng, rộng rãi...từ cổ chí kim đến nay là đệ nhất danh tướng”[3]. Phải nói là Mao Tôn Cương đã bình giá thật toàn diện và sâu sắc. Tuyệt nghĩa Quan Vũ là một giá trị điển phạm của một giai cấp, một tầng lớp, điều này đã nói lên nguyên nhân sùng bái của các nhân sĩ trí thức với Quan Vũ.

“Nghĩa” trong quan niệm lý luận đạo đức của Trung Quốc cổ đại hàm chứa nhiều khía cạnh và là khái niệm không thực sự chặt chẽ lắm. Theo cách giải thích truyền thống, Nghĩa là “khiến mọi thứ hợp với lòng mình là Nghĩa”. Chu Hy giải thích “Nghĩa” là “hợp với việc” hoặc “hợp với lý trời”. Tuy nhiên, lấy một việc cụ thể mà xét thì cái gì là thích hợp, cái gì là không thích hợp, nhận thức và lý giải của mọi người chắc chắn là không giống nhau. Quân thần có đạo quân thần, bằng hữu có đạo của bằng hữu, Nho có đạo của Nho, hiệp khách có đạo của hiệp khách...giai cấp, tầng lớp khác nhau nên yêu cầu đối với “nghĩa” cũng không giống nhau. Tuy nhiên, “Nghĩa” của Quan Vũ đã thỏa mãn những yêu cầu khác nhau của các tầng lớp trong xã hội. Quan Vũ đã nghiêm nhiên trở thành hóa thân của “Nghĩa” để người đời theo khuôn thước đó làm theo.

Tam Quốc diễn nghĩa miêu tả cảnh “đào viên kết nghĩa” có đoạn: “Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi tuy không cùng họ, kết làm huynh đệ, đồng tâm hiệp lực, cứu

khốn phò nguy; trên báo đền nợ nước, dưới an định lê dân; không cầu sinh cùng năm cùng tháng cùng ngày, chỉ nguyện chết cùng ngày cùng tháng cùng năm, hoàng thiên hậu thổ chứng giám cho chúng tôi; Kẻ nào vong ân phụ nghĩa, trời người cùng giết” [12]. Trong đoạn văn này, “trung nghĩa” được hiểu là “báo đền nợ nước”, “nhân nghĩa” là “dưới an định lê dân”, “hiệp nghĩa” là “cứu khốn phò nguy”, lại có tình nghĩa “đồng sinh đồng tử”. Cả một đời Quan Vũ chính là không bao giờ thay đổi việc thực hiện lời thề đó khiến cho sự biểu hiện của “nghĩa” ở Quan Vũ phong phú và sinh động lạ thường. Sự kiện sẵn bản ở Hứa Diên, Tào Tháo mượn cung tên của Thiên tử bắn thủ để bách quan tung hô vạn tuế nhằm thử lòng khiến Quan Vũ nổi giận muốn ra tay trừ gian tặc, đó là biểu hiện lòng trung nghĩa của Quan Vũ đối với nhà Hán; Treo ấn tín, trả vàng bạc, cưỡi ngựa đi ngàn dặm tìm Lưu Bị thể hiện lòng trung nghĩa đối với chủ cũ; Bắt Hoàng Trung mà không giết là biểu hiện tinh thần hiệp nghĩa; Đường hẻm Hoa Dung thả Tào Tháo thể hiện lòng nhân nghĩa không giết kẻ khốn cùng; Chong đèn đứng hầu chị dâu đến sáng thể hiện lễ nghĩa; Với Lưu Bị trong quan hệ quân thần là trung nghĩa, trong quan hệ huynh đệ lại là tình nghĩa. Tình nghĩa của Quan Vũ với Lưu Bị và Trương Phi có thể nói phản ánh khí tiết, phẩm chất đạo đức nhà Nho “tiền bạc không thay đổi được lòng, bổng lộc không chuyển được chí”, từ đầu đến cuối đều trước sau như một, hoạn nạn cùng chung, sống chết cùng chịu. Có thể nói, nếu lấy tình nghĩa bằng hữu xưa nay mà xét thì có thể xem là mẫu mực tối cao của Chân, Thiện, Mỹ. Một vài nghĩa cử ở trên của Quan Vũ dù phản ánh yêu cầu lợi ích của các giai cấp tầng lớp xã hội khác

nhau trên một vài phương diện đạo đức xã hội, nhưng việc lý tưởng hóa nhân cách Quan Vũ lại có sự thống nhất rất cao, điều đó làm cho Quan Vũ trở thành một nhân vật siêu giai cấp, trở thành đối tượng sùng bái của toàn xã hội.

Do Quan Vũ là sự tổng hợp yêu cầu lợi ích giai cấp khác nhau nên sự sùng bái Quan Vũ cũng vô cùng đặc biệt. Trong *Quan Đế lịch đại hiển thánh truyện* ra đời ở đời Minh cho thấy nhiều chi tiết Quan Vũ hiển linh với mục đích khuyên răn đạo “trung hiếu”, giết địch sa trường, trừng ác khuyến thiện.... Từ giữa đời Minh về sau, kinh tế thương nghiệp phát triển sôi động, cạnh tranh thị trường diễn ra khốc liệt, quan niệm truyền thống và tâm lý đạo đức chịu nhiều tác động, nhu cầu giao lưu xã hội gia tăng, tư tưởng và quan hệ xã hội mở rộng, phát triển, nghĩa khí bằng hữu được quần chúng lớp dưới hoan nghênh phổ biến. Hình tượng Quan Vũ trong *Tam Quốc diễn nghĩa* có thể trở thành mục tiêu “quân thần khuyến trung, bằng hữu khuyến nghĩa” như nhà tư tưởng Lý Chi đã từng phát biểu. “Bằng hữu khuyến nghĩa” ở hình tượng Quan Vũ rõ ràng đã lay động quần chúng lớp dưới. Quần chúng tán thưởng tư tưởng “đào viên kết nghĩa” không phải vì tán dương Quan Vũ trung thành với Lưu Bị mà là tán thưởng nghĩa khí của ba huynh đệ Lưu Quan Trương “không mong sinh cùng năm cùng tháng cùng ngày, chỉ nguyện chết cùng ngày cùng tháng cùng năm”, ca ngợi tình thân huynh đệ như thủ túc, cùng sống cùng chết như một của họ. Quần chúng sở dĩ tán dương nghĩa khí Quan Vũ như vậy là vì từ giữa thời Minh về sau, quan hệ đạo đức xã hội dần tan vỡ trước tác động của quá trình phát triển nhanh chóng của kinh

tế thương nghiệp. Quan hệ tư bản mạnh mẽ hình thành, một mặt nảy sinh nhu cầu tăng cường hợp tác giao lưu, hy vọng giúp đỡ lẫn nhau và chia sẻ những khó khăn cùng đối phó với cạnh tranh xã hội khốc liệt, mặt khác diễn biến tâm lý xã hội thay đổi thất thường do tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thương nghiệp. Ba anh em Lưu Quan Trương vốn tay trắng “kết nghĩa vườn đào” so với hành vi “trọng lợi khinh nghĩa” trong đời sống xã hội đương thời giống như một thái độ phản ứng khiến người ta coi trọng bởi “người đời kết giao bằng tiền bạc, tiền bạc không nhiều giao tình không sâu; Ai biết câu chuyện kết nghĩa vườn đào đều biết tiền bạc không giải kết được đồng tâm” (*Lý Chi – Qua vườn đào yết kiến đền Tam nghĩa*), điều đó cho thấy người ta khao khát truy cầu vẻ đẹp chân tình tự nhiên.

Thời Minh Thanh, tôn giáo dân gian và các lực lượng xã hội lợi dụng ảnh hưởng Quan Vũ qua câu chuyện “đào viên kết nghĩa” để tán dương ca ngợi, lấy nghĩa khí làm sợi dây tinh thần thắt chặt đoàn kết nội bộ. Bạch Liên Giáo tuyên truyền rộng rãi việc tôn sùng và phụng thờ Quan Vũ qua việc xác định ngày húy kỵ và ngày sinh để tổ chức tế lễ. Rất nhiều các bang phái, các hội kín “huynh đệ” đều thờ tượng Quan Vũ... Bởi vì các đảng phái tôn giáo và chính trị này có cơ sở rộng lớn và ảnh hưởng xã hội trong dân gian, tín ngưỡng Quan Vũ cũng đã được lan truyền đến mọi nơi trong xã hội.

Giai cấp thống trị sùng bái Quan Vũ tất nhiên có lý do và mục đích khác với quần chúng nhân dân. Những năm Vạn Lịch thời Minh, triều đình cực lực sùng bái Quan Vũ là có liên quan đến tình hình chiến sự bị uy hiếp ở Liêu Đông. Áp lực biên ải Liêu Đông khiến cho giai cấp

thống trị nhà Minh cảm thấy chính quyền có nguy cơ bị mất, liền thông qua sự sùng bái, gia phong tấn tước cho Quan Vũ nhằm kích lệ tinh thần trung nghĩa “vì nước quên thân” của tướng sĩ để bảo vệ biên cương lãnh thổ, bảo toàn nền thống trị của chúng. Trong *Khuyết danh bút ký* có chép lại một đoạn đại ý triều đình đã lợi dụng quyền sách *Tam Quốc chí* (tức *Tam Quốc diễn nghĩa*). Khi Thê tổ chưa vào Trung Quốc, trước tiên chinh phục người Nội Mông Cổ nên giao ước với Khả Hãn Mông Cổ nhận làm anh em, lấy “đào viên kết nghĩa” trong *Tam Quốc chí* làm ví dụ, Mãn Châu tự nhận làm Lưu Bị, Nội Mông Cổ nhận làm Quan Vũ. Sau Thê tổ lên ngôi đế, sợ Mông Cổ nhắc lại điều này liền phong tặng Quan Vũ làm *Trung Nghị Thần Vũ Linh Hựu Nhân Dũng Uy Linh Hộ Quốc Bảo Dân Tinh Thành Bình Định Dực Tán Nghi Đức Quan Thánh Đại Đế* để bày tỏ lòng tôn sùng người Mông Cổ. Thời này, người Mông Cổ theo tín ngưỡng Phật giáo Tây Tạng, nhưng vì tôn kính Khả Hãn nên cũng tôn sùng Quan Vũ. Lịch sử hơn hai trăm năm của triều Thanh không xảy ra chiến tranh với các rợ phương Bắc chính là ở ý nghĩa quan hệ giữa Mông Cổ với Thanh triều giống như Quan Vũ với Lưu Bị. Tất nhiên, nói giới cầm quyền nhà Thanh tôn trọng Quan Vũ chỉ vì lợi ích của Mông Cổ thì cũng không hẳn. Kỳ thực, chính quyền Mãn Thanh đề xướng “nghĩa” của Quan Vũ một mặt là vì Quan Vũ có ảnh hưởng sâu rộng trong lòng Hán tộc, nhưng mặt khác hàm ý sâu xa coi Hán tộc cũng chỉ là một tộc thiểu số như Mông Cổ mà thôi. Việc sùng bái Quan Vũ chắc chắn đã đóng một vai trò rất quan trọng trong nền chính trị của nhà Thanh, đó là điều mà nhà Thanh không thể đạt được bằng bất kỳ phương tiện nào khác.

III. KẾT LUẬN

Quá trình hình thành và tôn giáo hóa Quan Vũ là một hiện tượng văn hóa độc đáo và phức tạp. Hơn một nghìn năm qua, theo sự phát triển của xã hội mà ý nghĩa của hiện tượng văn hóa này không ngừng được bổ sung và đổi mới. Cho đến nay, hiện tượng tôn giáo hóa và sùng bái Quan Vũ chưa hoàn toàn trở thành chuyện của quá khứ, lịch sử. Mặc dù sự sùng bái Quan Vũ ở các thời kỳ lịch sử về mặt quy mô và thanh thế không giống nhau, song việc trùng tu, tạo lập mới đền miếu, tạo tác tượng thờ Quan Vũ diễn ra ở khắp nơi và được hưởng ứng ngày một nhiều. Đối với Hoa Kiều và đoàn thể người Hoa ở nước ngoài, tình cảm và lòng tin Quan Vũ cũng không hề giảm nếu không nói có phần sôi động hơn cả Đại lục. Điều đó được thể hiện qua việc xây dựng các đền miếu phụng thờ Quan Vũ mọc lên khắp các nước Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam), nơi dấu chân người Hoa đã đặt lên và để lại dấu ấn [10]. Đối với quá trình hình thành và tôn giáo hóa Quan Vũ vì vậy cần phải có thái độ đánh giá khoa học và nhận thức toàn diện, điều này không chỉ có giá trị lý luận mà còn có ý nghĩa văn hóa vô cùng thiết thực trong việc nghiên cứu những hiện tượng tương đồng ở Việt Nam như tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lã Đại Cát (1999), *Tôn giáo học thông luận tân biên*, Trung Quốc khoa học xã hội xuất bản xã, Bắc Kinh.
2. Phó Long Cơ (2007), *Giải độc Tam Quốc diễn nghĩa*, Trí Thư Phòng xuất bản tập đoàn.
3. Mao Tôn Cương (1973), *Độc Tam Quốc chí pháp*, Nhân dân văn học xuất bản xã, Bắc Kinh.

4. Lý Chí (2001), *Phản thư – độc phản thư*, Nguyên Phương xuất bản xã, Đại học Wisconsin – Madison.

5. Đường Đắc Dương (2003), *Cội nguồn văn hóa Trung Hoa*, Nhà xuất bản Hội nhà văn, Nguyễn Thị Thu Hiền dịch.

6. Ngô Ngưỡng Hiền (1882), *Tiểu bào am thi thoại*, bản khắc ván năm Quang Tự thứ 8 (1882), Bắc Kinh đại học đồ thư quán.

7. Trần Dân Khác (2007), *Ngụy Tấn Nam Bắc triều giảng diễn lục*, Quý Châu nhân dân xuất bản xã, Quý Châu.

8. Trịnh Thành (2012), “Nguyên Hựu trùng tu miếu ký”, chuyển dẫn Chu Nhất Huyền (2012) *Tam Quốc diễn nghĩa tư liệu vịnh biên*, Nam Khai đại học xuất bản xã.

9. Trần Thọ (1982), *Tam Quốc chí*, Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh.

10. Trần Văn Trọng (2016), “Lịch sử di dân và sự truyền bá tín ngưỡng Quan Đế trong cộng đồng

người Hoa ở nước ngoài”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc trong sự giao thoa giữa các quốc gia Đông Nam Á*, Nxb Đại học Thái Nguyên, trang 228-237.

11. Trần Văn Trọng (2016), “Diễn hóa hình tượng Quan Vũ từ nhân vật lịch sử đến nhân vật văn học”, *Tạp chí khoa học xã hội và nhân văn*, ĐHKHXH&NV – ĐHQGHN, số 6, trang 683-694.

12. La Quán Trung (1988), *Tam Quốc diễn nghĩa*, Nhà xuất bản Văn học, Phan Kế Bính dịch.

13. Từ Vị (1936), *Thục Hán Quan hầu từ ký*, tuyển tự *Từ Văn Trường toàn tập*, Thượng Hải Quảng Ích thư cục Dân Quốc Nhị thập ngũ niên san bản (trang 75).

14. Du Việt (1995), *Trà hương thất tùng sao*, Quyển 5, Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh